



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG  
129 Âu Cơ, P.14, Q.TB, TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 70-17 CV/VID-BTGD  
v/v BCTC bán niên 2017 (Soát xét)

TP.HCM, ngày 17 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
2. Mã chứng khoán: VID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 129 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: 08.38428633 Fax: 08.38425880
5. E-mail: vidon@vidon.com.vn Website: [www.vidon.com.vn](http://www.vidon.com.vn)
6. Loại thông tin công bố: 24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (2016);
- Căn cứ quy định hiện hành về công bố thông tin của SSC và HOSE;

Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (Vidon Corp.) xin công bố:

Báo cáo tài chính Công ty mẹ Bán niên 2017 đã được soát xét;

Báo cáo tài chính Hợp nhất Bán niên 2017 đã được soát xét;

- Xin xem toàn văn (các) Báo cáo đính kèm.
- Báo cáo được đăng tải trên website công ty: [www.vidon.com.vn](http://www.vidon.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

**Nơi nhận:**

- Như trên
- HĐQT, BKS, BTGD
- Ban QHCD&TT (CBTT)
- Lưu VP



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Quang Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017  
và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Mục lục</b>	<b>01</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>02 – 04</b>
<b>3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>05 – 06</b>
<b>4. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	07 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	12 – 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	14 – 42

33003  
CÔNG  
CỔ P  
ĐẦU TƯ P  
THƯƠNG  
VIỄN Đ  
NH-T  
AA06  
ÔNG  
.F VI  
CHI T  
THAM  
HỒ C  
PHÓ



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 11) vào ngày 01 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 255.227.670.000 đồng.

Mã số thuế: 0300377536

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy. Các sản phẩm khác từ giấy. Vật tư, thiết bị ngành giấy;
- Xuất nhập khẩu: các loại giấy, vật tư, thiết bị ngành giấy;
- Dịch vụ: thiết kế, chế tạo, lắp đặt, gia công, sửa chữa thiết bị, tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất giấy;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với pháp luật quy định; In bao bì; Gia công, sản xuất bao bì giấy, nhôm, nhựa (trừ tái chế phế thải giấy, kim loại, nhựa);
- Mua bán vật tư ngành in, nguyên liệu ngành sản xuất thuốc lá, giấy, đầu lọc, màng nhôm, màng nhựa;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; In nhãn mác, catalog, tờ rơi, tờ gấp giới thiệu sản phẩm hàng hóa; hướng dẫn sử dụng thiết bị, công cụ và sản phẩm tiêu dùng; biểu mẫu, văn hóa phẩm và giấy tờ giao dịch hành chính của các doanh nghiệp; giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội;
- Gia công: giấy vệ sinh, khăn giấy (không tái chế phế thải); Mua bán: sản phẩm bao bì, nhãn mác, hộp, vật tư, thiết bị ngành in, hàng nông sản, sản phẩm chế biến từ nông sản;
- Xây dựng: dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư;
- Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà; Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh lẻ hành nội địa;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dạy nghề; Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở); Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở); Giáo dục văn hóa nghệ thuật (trừ hoạt động vũ trường); Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng); Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh.

### **2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Quang Mẫn	Chủ tịch
- Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Chủ tịch
- Ông Trần Hoàng Nghĩa	Thành viên
- Ông Bùi Quang Minh	Thành viên
- Ông Bùi Quang Khoa	Thành viên



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Các thành viên Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Võ Trần Quốc	Trưởng ban
- Ông Phạm Như Bách	Thành viên
- Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Bùi Quang Khoa	Phó Tổng Giám đốc

### 3. Trụ sở

- Công ty có trụ sở chính tại 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Bình Dương – Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông tại Số 15, đường N3, khu công nghiệp Sóng Thần 3, khu 1, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

### 4. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét đính kèm.

### 5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

### 6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty.

### 7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

### 8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bùi Quang Minh  
Tổng Giám đốc



Số: 011/2017/BCSX-PKF.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2017

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được lập ngày 27 tháng 07 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 được trình bày từ trang 07 đến trang 42 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



---

**Trương Quang Trung**

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1752-2015-242-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2017 (VND)</b>	<b>01/01/2017 (VND)</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>345.245.487.748</b>	<b>187.905.882.008</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>15.890.080.825</b>	<b>4.970.773.406</b>
1. Tiền	111		15.890.080.825	4.970.773.406
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>108.700.000.000</b>	<b>12.500.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	108.700.000.000	12.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>186.780.418.319</b>	<b>147.550.921.162</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	190.198.568.019	137.265.207.002
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	25.723.817.042	14.236.188.882
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	2.970.905.586	20.777.860.599
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(32.112.872.328)	(24.728.335.321)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>31.505.854.120</b>	<b>22.106.209.243</b>
1. Hàng tồn kho	141		41.455.150.932	27.336.984.799
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.949.296.812)	(5.230.775.556)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.369.134.484</b>	<b>777.978.197</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9a	315.742.532	123.846.264
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.593.456.067	456.061.241
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	459.935.885	198.070.692
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>279.968.881.650</b>	<b>314.213.310.699</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>60.000.000.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.6	60.000.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2017 (VND)</b>	<b>01/01/2017 (VND)</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>49.104.092.508</b>	<b>43.764.075.815</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	24.227.247.317	18.788.171.944
<i>Nguyên giá</i>	222		54.672.857.339	48.995.847.921
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(30.445.610.022)	(30.207.675.977)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	24.876.845.191	24.975.903.871
<i>Nguyên giá</i>	228		26.653.475.271	26.653.475.271
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.776.630.080)	(1.677.571.400)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>150.160.000</b>	<b>2.415.998.577</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	150.160.000	2.415.998.577
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.13</b>	<b>162.258.919.747</b>	<b>259.132.489.575</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		132.239.620.348	226.426.821.439
3. Đầu tư khác vào công ty khác	253		63.556.422.950	69.229.895.082
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(33.537.123.551)	(36.524.226.946)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.455.709.395</b>	<b>8.900.746.732</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	5.9b	8.455.709.395	8.900.746.732
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>625.214.369.398</b>	<b>502.119.192.707</b>



Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>163.160.314.494</b>	<b>138.929.462.738</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>138.473.898.666</b>	<b>103.989.564.039</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	70.134.642.808	9.148.996.412
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	1.893.982.193	303.894.401
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	15.898.347.790	1.559.329.573
4. Phải trả người lao động	314		1.129.510.276	715.389.851
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	5.033.290.025	12.283.435.969
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	1.323.150.637	18.994.149.299
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19a	41.432.374.077	59.546.568.675
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	1.628.600.860	1.437.799.859
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>24.686.415.828</b>	<b>34.939.898.699</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19b	22.950.000.000	32.100.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.21	1.736.415.828	2.839.898.699
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**


Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>462.054.054.904</b>	<b>363.189.729.969</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>462.054.054.904</b>	<b>363.189.729.969</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.22	255.227.670.000	255.227.670.000
1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		255.227.670.000	255.227.670.000
1b. Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.22	3.254.265.000	3.254.265.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	5.22	2.967.606.986	2.967.606.986
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.22	15.324.659.007	15.324.659.007
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	5.22	105.844.658	105.844.658
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.22	137.450.532.537	40.887.785.320
11a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		38.365.207.602	8.390.203.260
11b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		99.085.324.935	9.017.651.534
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		47.723.476.716	45.421.898.998
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>625.214.369.398</b>	<b>502.119.192.707</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2017

  
Bùi Văn Thủy  
Người lập biểu

  
Bùi Văn Thủy  
Kế toán trưởng

  
Bùi Quang Minh  
Tổng Giám đốc






Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	225.658.704.274	26.179.043.212
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	77.270.373
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	225.658.704.274	26.101.772.839
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	219.746.192.295	21.859.261.731
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.912.511.979	4.242.511.108
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	153.795.366.389	589.056.279
7. Chi phí tài chính	22	6.4	30.365.129.488	14.615.365.761
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.374.140.992	4.749.633.768
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		4.657.488.435	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	1.141.002.984	759.260.847
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	14.336.574.391	(6.969.625.010)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		118.522.659.940	(3.573.434.211)
12. Thu nhập khác	31	6.7	3.017.435.309	6.884.760.671
13. Chi phí khác	32	6.8	158.205	80.856.668
14. Lợi nhuận khác	40		3.017.277.104	6.803.904.003
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		121.539.937.044	3.230.469.792
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.16	23.558.094.980	1.251.946.678
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.103.482.871)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>99.085.324.935</u>	<u>1.978.523.114</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		96.783.747.217	1.978.523.114
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.301.577.718	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	<u>3.783</u>	<u>43</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2017

  
Bùi Văn Thủy  
Người lập biểu

  
Bùi Văn Thủy  
Kế toán trưởng



  
Bùi Quang Minh  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>121.539.937.044</b>	<b>3.230.469.792</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.10, 5.11	1.223.318.534	583.464.779
- Các khoản dự phòng	03		9.115.954.868	(88.381.714)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(5.326.171)	1.284.416
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(152.537.098.055)	(573.371.520)
- Chi phí lãi vay	06	6.4	2.374.140.992	4.749.633.768
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(18.289.072.788)</b>	<b>7.903.099.521</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.600.312.954)	32.805.396.385
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.118.166.133)	13.807.747.427
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		51.858.905.491	(52.096.771.286)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(191.896.268)	(301.357.049)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		22.084.923.206	(1.662.715.556)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.16	(8.931.851.442)	(257.167.187)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(30.198.999)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>16.782.330.113</b>	<b>198.232.255</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.538.356.917)	(109.090.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		514.545.454	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(311.200.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		121.120.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(29.750.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		254.324.932.710	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.924.724.486	573.371.520
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>34.395.845.733</b>	<b>464.280.611</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		53.992.374.077	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(94.256.568.675)	(2.598.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(40.264.194.598)</b>	<b>(2.598.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>10.913.981.248</b>	<b>(1.935.487.134)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.1</b>	<b>4.970.773.406</b>	<b>2.575.174.031</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		5.326.171	(1.284.416)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>15.890.080.825</b>	<b>638.402.481</b>



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2017

  
 \_\_\_\_\_  
**Bùi Văn Thủy**  
 Người lập biểu

  
 \_\_\_\_\_  
**Bùi Văn Thủy**  
 Kế toán trưởng

  
 \_\_\_\_\_  
**Bùi Quang Minh**  
 Tổng Giám đốc



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN****1.1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 11) vào ngày 01 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 255.227.670.000 đồng.

**Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.  
Điện thoại : 083 8428633  
Fax : 083 8425880  
Website : <http://www.vidon.com.vn>  
Mã số thuế : 0300377536

**Chi nhánh:**

Chi nhánh Bình Dương – Công ty Phát triển Thương mại Viễn Đông

Địa chỉ: Số 15, đường N3, khu công nghiệp Sóng Thần 3, khu 1, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất và kinh doanh giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy. Các sản phẩm khác từ giấy. Vật tư, thiết bị ngành giấy; Xuất nhập khẩu: các loại giấy, vật tư, thiết bị ngành giấy; Dịch vụ: thiết kế, chế tạo, lắp đặt, gia công, sửa chữa thiết bị, tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất giấy; Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với pháp luật quy định; In bao bì; Gia công, sản xuất bao bì giấy, nhôm, nhựa (trừ tài chế phế thải giấy, kim loại, nhựa); Mua bán vật tư ngành in, nguyên liệu ngành sản xuất thuốc lá, giấy, đầu lọc, màng nhôm, màng nhựa; Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; In nhãn mác, catalog, tờ rơi, tờ gấp giới thiệu sản phẩm hàng hóa; hướng dẫn sử dụng thiết bị, công cụ và sản phẩm tiêu dùng; biểu mẫu, văn hóa phẩm và giấy tờ giao dịch hành chính của các doanh nghiệp; giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội; Gia công: giấy vệ sinh, khăn giấy (không tái chế phế thải); Mua bán: sản phẩm bao bì, nhãn mác, hộp, vật tư, thiết bị ngành in, hàng nông sản, sản phẩm chế biến từ nông sản; Xây dựng: dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư; Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà; Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí (không kinh doanh tại trụ sở); Kinh doanh lữ hành nội địa; Đào tạo nghề; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dạy nghề; Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở); Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở); Giáo dục văn hóa nghệ thuật (trừ hoạt động vũ trường); Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng); Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh.



Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Tổng số các công ty con: 1 (một) công ty**

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 1 (một) công ty

**1.6. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	29 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	51,03%	51,03%

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.****2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3.3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **4.2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông và các đơn vị thành viên hạch toán độc lập do Công ty sở hữu và nắm quyền kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo của các đơn vị thành viên sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông, và Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực sau khi loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

##### **4.3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

##### **4.4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

##### **4.5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.



Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****4.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 28/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

**4.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 28/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất có thời hạn, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của doanh nghiệp

**4.8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



**4.9. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

**4.10. Chi phí trả trước dài hạn*****Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

***Chi phí trả trước dài hạn khác***

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian hữu dụng của chi phí. Thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí.

***Lợi thế thương mại***

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 27 tháng 12 năm 2016 và được phân bổ trong 10 năm.

**4.11. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiền hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.14. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

**4.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**4.16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

**4.17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.



Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****4.18. Tài sản tài chính*****Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:*

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phải sinh có giá trị thanh toán cụ thể hoặc có thể xác định được và có ngày đáo hạn cụ thể mà công ty có ý định chắc chắn và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu:*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán:*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phải sinh được xác định là có sẵn để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

*Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:*

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**4.19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

***Nợ phải trả tài chính***

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.



Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

*Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:*

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### **Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính**

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **4.20. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **4.21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

#### **4.22. Bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số 8.3.

**4.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Tiền mặt	460.364.789	2.517.741.927
Tiền gửi ngân hàng	15.429.716.036	2.453.031.479
<b>Cộng</b>	<b>15.890.080.825</b>	<b>4.970.773.406</b>

**5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn ±	108.700.000.000	108.700.000.000	12.500.000.000	12.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>108.700.000.000</b>	<b>108.700.000.000</b>	<b>12.500.000.000</b>	<b>12.500.000.000</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 06 tháng đến 15 tháng, với lãi suất từ 5,3%/năm đến 7,5%/năm.



Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**5.3. Phải thu của khách hàng**

*Phải thu của khách hàng ngắn hạn*

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	107.062.432.468	16.575.960.411	74.925.815.323	11.777.686.910
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	284.202.000	-	297.846.568	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na	9.766.145.003	9.766.145.003	9.766.145.003	9.766.145.003
- Công ty Cổ phần In Khánh Hội	5.451.986.908	1.401.252.749	1.401.252.749	-
- Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ	5.082.859.614	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại In Phương Nam	4.787.951.788	1.348.542.765	4.495.142.549	-
- Công ty Cổ phần In Scitech	4.273.725.965	-	279.298.454	-
- Xí nghiệp in II - Công ty TNHH MTV In Ba Đình	4.005.112.833	-	1.773.588.611	-
- Công ty TNHH Tac Paritas	3.514.617.017	-	20.941.511.470	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Văn hóa Hương Trang	3.220.435.480	293.679.077	1.878.932.164	-
- Các khách hàng khác	42.749.098.943	1.614.592.511	21.505.674.111	1.319.303.596
<b>Cộng</b>	<b>190.198.568.019</b>	<b>31.000.172.516</b>	<b>137.265.207.002</b>	<b>22.863.135.509</b>

*Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan*

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	107.062.432.468	16.575.960.411	74.925.815.323	11.777.686.910
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	284.202.000	-	297.846.568	-
<b>Cộng</b>	<b>107.346.634.468</b>	<b>16.575.960.411</b>	<b>75.223.661.891</b>	<b>11.777.686.910</b>

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**5.4. Trả trước cho người bán**

*Trả trước cho người bán ngắn hạn*

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	-	-	3.178.476.826	-
- Công ty TNHH Tac Paritas	23.760.134.129	-	9.577.005.507	752.500.000
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Ngô Viết	528.000.000	528.000.000	528.000.000	528.000.000
- Công ty TNHH Công viên cây xanh Sa Đéc	328.376.700	328.376.700	328.376.700	328.376.700
- Các nhà cung cấp khác	1.107.306.213	126.323.112	624.329.849	126.323.112
<b>Cộng</b>	<b>25.723.817.042</b>	<b>982.699.812</b>	<b>14.236.188.882</b>	<b>1.735.199.812</b>

*Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan*

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	-	-	3.178.476.826	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.178.476.826</b>	<b>-</b>

**5.5. Phải thu khác**

*Phải thu khác ngắn hạn*

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tạm ứng</b>	<b>187.596.285</b>	-	<b>6.412.000.000</b>	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>2.783.309.301</b>	<b>130.000.000</b>	<b>14.365.860.599</b>	<b>130.000.000</b>
- Công ty TNHH Tac Paritas	1.001.095.890	-	6.120.000.000	-
- Công ty CP Chè Minh Rồng	819.281.614	-	4.413.149.680	-
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn phải thu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây	638.044.045	-	82.204.167	-
- Ngô Lợi	130.000.000	130.000.000	130.000.000	130.000.000
- Các đối tượng khác	194.887.752	-	3.620.506.752	-
<b>Cộng</b>	<b>2.970.905.586</b>	<b>130.000.000</b>	<b>20.777.860.599</b>	<b>130.000.000</b>

*Phải thu khác ngắn hạn là các bên liên quan*

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tạm ứng</b>	-	-	<b>6.392.000.000</b>	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>819.281.614</b>	-	<b>4.413.149.680</b>	-
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	819.281.614	-	4.413.149.680	-
<b>Cộng</b>	<b>819.281.614</b>	<b>-</b>	<b>10.805.149.680</b>	<b>-</b>



Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**5.6. Phải thu về cho vay dài hạn**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty TNHH Tac Paritas	60.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản cho Công ty TNHH Tac Paritas vay theo hợp đồng 01/HĐVV/2017/VĐ-PA ngày 01/02/2017, thời hạn vay 24 tháng; từ ngày 01/02/2017 đến 31/01/2018; lãi suất vay tối thiểu là 7%/năm tính từ ngày nhận nợ và tính theo phương thức số dư bình quân.

**5.7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**  
**Nợ xấu**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>70.092.252.614</b>	<b>37.979.380.286</b>	<b>63.080.778.918</b>	<b>38.352.443.597</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	48.388.895.734	31.812.935.323	49.797.233.891	38.019.546.981
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na	9.754.145.003	-	9.766.145.003	-
- Công ty Cổ phần In Khánh Hội	1.401.252.749	-	-	-
- Công ty Cổ phần In Phương Nam	4.495.142.549	3.146.599.784	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Ngô Việt	528.000.000	-	528.000.000	-
- Công ty TNHH Công Viên Cây Xanh Sa Đéc	328.376.700	-	328.376.700	-
- Ngô Lợi	130.000.000	-	130.000.000	-
- Các đối tượng khác	5.066.439.879	3.019.845.179	2.531.023.324	332.896.616
<b>Cộng</b>	<b>70.092.252.614</b>	<b>37.979.380.286</b>	<b>63.080.778.918</b>	<b>38.352.443.597</b>

**Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:**

	Từ 01/01/2017 Đến 30/06/2017 (VND)
Số đầu kỳ	24.728.335.321
Trích lập dự phòng trong kỳ	13.485.353.221
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(6.100.816.214)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>32.112.872.328</b>

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**5.8. Hàng tồn kho**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.660.657.315	611.815.989	4.396.894.227	1.290.925.597
- Thành phẩm	1.569.125.708	353.615.286	1.234.092.671	18.159.532
- Hàng hóa	38.225.367.909	8.983.865.537	21.705.997.901	3.921.690.427
<b>Cộng</b>	<b>41.455.150.932</b>	<b>9.949.296.812</b>	<b>27.336.984.799</b>	<b>5.230.775.556</b>

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho kỳ này được tính như sau:*

	Giá gốc hàng hóa chậm luân chuyển (VND)	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	874.022.841	611.815.989
Thành phẩm	365.164.275	353.715.286
Hàng hóa	12.422.520.664	8.983.765.537
<b>Cộng</b>	<b>13.661.707.780</b>	<b>9.949.296.812</b>

**5.9. Chi phí trả trước**

**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí công cụ, dụng cụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Số đầu kỳ	123.846.264
Tăng trong kỳ	414.442.500
Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(222.546.232)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>315.742.532</b>

**b. Lợi thế thương mại**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Số đầu kỳ	8.900.746.732
Tăng trong kỳ	-
Phân bổ trong kỳ	(445.037.337)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.455.709.395</b>



Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**5.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	30.383.724.060	8.963.407.900	8.547.455.866	1.101.260.095	48.995.847.921
Đầu tư XDB hoàn thành	6.254.195.494	-	-	-	6.254.195.494
Mua sắm mới	-	-	550.000.000	-	550.000.000
Thanh lý nhượng bán	-	-	(1.127.186.076)	-	(1.127.186.076)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>36.637.919.554</b>	<b>8.963.407.900</b>	<b>7.970.269.790</b>	<b>1.101.260.095</b>	<b>54.672.857.339</b>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.100.001.937	2.121.755.588	4.478.039.422	898.579.095	21.598.376.042
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu kỳ	18.164.502.961	5.125.305.097	5.898.645.374	1.019.222.545	30.207.675.977
Khấu hao trong kỳ	358.616.346	508.087.386	243.078.908	14.477.214	1.124.259.854
Thanh lý nhượng bán	-	-	(886.325.809)	-	(886.325.809)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.523.119.307</b>	<b>5.633.392.483</b>	<b>5.255.398.473</b>	<b>1.033.699.759</b>	<b>30.445.610.022</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	12.219.221.099	3.838.102.803	2.648.810.492	82.037.550	18.788.171.944
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.114.800.247</b>	<b>3.330.015.417</b>	<b>2.714.871.317</b>	<b>67.560.336</b>	<b>24.227.247.317</b>

**5.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài (*) (VND)	Quyền sử dụng đất có thời hạn (*) (VND)	Phần mềm vi tính (VND)	Cộng (VND)
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	18.751.415.355	7.726.577.193	175.482.723	26.653.475.271
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.751.415.355</b>	<b>7.726.577.193</b>	<b>175.482.723</b>	<b>26.653.475.271</b>
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	175.482.723	175.482.723
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu kỳ	-	1.502.088.677	175.482.723	1.677.571.400
Khấu hao trong kỳ	-	99.058.680	-	99.058.680
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>1.601.147.357</b>	<b>175.482.723</b>	<b>1.776.630.080</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	18.751.415.355	6.224.488.516	-	24.975.903.871
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.751.415.355</b>	<b>6.125.429.836</b>	<b>-</b>	<b>24.876.845.191</b>

(\*) chi tiết:

	Diện tích (m2)	Số tiền
<b>Quyền sử dụng đất lâu dài</b>		
Thửa đất số 174, 180, 181, 182 tại lô số 174-180-181-182, khu 10, khu đô thị mới Vĩnh Hòa, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	1.062,40	18.751.415.355
<b>Quyền sử dụng đất có thời hạn</b>		
Thửa đất số 338 tại Lô A-8 đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	8.940,30	7.726.577.193
<b>Cộng</b>		<b>26.477.992.548</b>

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**5.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng văn phòng làm việc

Số đầu kỳ

Tăng trong kỳ

Kết chuyển tài sản cố định trong kỳ

Số cuối kỳ

**Từ 01/01/2017**

**đến 30/06/2017**

**(VND)**

2.415.998.577

3.988.356.917

(6.254.195.494)

**150.160.000**

**5.13. Đầu tư tài chính dài hạn**

**a. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	30/06/2017			01/01/2017		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>						
- Công ty TNHH Bao bì MM VIDON	0,00%	0,00%	-	34,90%	34,90%	97.720.000.000
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	44,29%	44,29%	43.696.099.780	44,29%	44,29%	43.054.496.450
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	44,74%	44,74%	47.099.459.000	44,74%	44,74%	41.637.123.099
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Viễn đông	40,00%	40,00%	9.827.148.886	40,00%	40,00%	17.980.302.410
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	37,93%	37,93%	17.752.743.688	37,93%	37,93%	18.289.861.780
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	27,04%	27,04%	7.988.776.267	27,04%	27,04%	7.745.037.700
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển	28,33%	28,33%	5.875.392.727	0,00%	0,00%	-
<b>Cộng</b>			<b>132.239.620.348</b>			<b>226.426.821.439</b>

**b. Đầu tư vào công ty khác**

	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
- Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng	27.000.000.000	22.180.814.625	(*)	27.000.000.000	22.184.735.891	(*)
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	16.350.000.000	-	(*)	16.350.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Chè Cà Phê Di Linh	14.179.560.000	11.356.308.926	(*)	14.179.560.000	11.450.653.811	(*)
- Công ty Cổ phần Mai Lan	5.626.862.950	-	(*)	11.300.335.082	2.888.837.244	(*)
- Trường Trung học Cơ sở Việt Mỹ	200.000.000	-	(*)	200.000.000	-	(*)
- Trường Trung học Phổ thông Việt Mỹ Anh	200.000.000	-	(*)	200.000.000	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>63.556.422.950</b>	<b>33.537.123.551</b>	<b>(*)</b>	<b>69.229.895.082</b>	<b>36.524.226.946</b>	<b>(*)</b>

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.



Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**5.14. Phải trả người bán*****Phải trả người bán ngắn hạn***

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</b>	<b>7.919.937.415</b>	<b>7.919.937.415</b>	<b>4.034.054.000</b>	<b>4.034.054.000</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	7.919.937.415	7.919.937.415	-	-
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hoá Tây Đô	-	-	4.034.054.000	4.034.054.000
<b>Phải trả người bán ngắn hạn là các nhà cung cấp độc lập</b>	<b>62.214.705.393</b>	<b>62.214.705.393</b>	<b>5.114.942.412</b>	<b>5.114.942.412</b>
- Itochu Singapore	20.722.103.673	20.722.103.673	-	-
- Gold East Trading (HK) Company Ltd	17.636.306.056	17.636.306.056	-	-
- Mitsubishi Corporation	16.486.351.774	16.486.351.774	-	-
- Pearson Education South Asia Pte.Ltd	3.706.044.933	3.706.044.933	3.711.488.195	3.711.488.195
- Các nhà cung cấp khác	3.663.898.957	3.663.898.957	1.403.454.217	1.403.454.217
<b>Cộng</b>	<b>70.134.642.808</b>	<b>70.134.642.808</b>	<b>9.148.996.412</b>	<b>9.148.996.412</b>

***Số nợ quá hạn chưa thanh toán***

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Pearson Education South Asia Pte.Ltd	3.706.044.933	3.706.044.933	3.711.488.195	3.711.488.195
- Nhà Xuất bản Văn hoá Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh	317.963.451	317.963.451	317.963.451	317.963.451
<b>Cộng</b>	<b>4.024.008.384</b>	<b>4.024.008.384</b>	<b>4.029.451.646</b>	<b>4.029.451.646</b>

**5.15. Người mua trả tiền trước*****Người mua trả tiền trước ngắn hạn***

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các khách hàng độc lập</b>				
- Công ty TNHH Văn hoá Trí Đức - Thái Thịnh		480.361.670		-
- Công ty TNHH MTV Hoa Niên		327.881.247		-
- Công ty TNHH In ấn Thương mại Dịch vụ Siêu Tốc		321.000.000		-
- Các khách hàng khác		764.739.276		303.894.401
<b>Cộng</b>		<b>1.893.982.193</b>		<b>303.894.401</b>

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**5.16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**Thuế phải nộp**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	40.412.856	40.412.856	10.125.765	10.125.765
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.536.205.981	15.536.205.981	931.851.442	931.851.442
- Thuế thu nhập cá nhân	78.995.301	78.995.301	61.423.698	61.423.698
- Phải trả thuế bị truy thu, phạt nộp chậm	242.733.652	242.733.652	555.928.668	555.928.668
<b>Cộng</b>	<b>15.898.347.790</b>	<b>15.898.347.790</b>	<b>1.559.329.573</b>	<b>1.559.329.573</b>

**Tình hình biến động của Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước như sau:**

	01/01/2017 (VND)		Số phát sinh trong kỳ (VND)		30/06/2017 (VND)	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
<b>Văn phòng Công ty mẹ</b>	<b>1.553.783.314</b>	-	<b>25.112.184.461</b>	<b>(11.114.068.935)</b>	<b>15.551.898.840</b>	-
Thuế giá trị gia tăng	10.125.765	-	1.835.099.449	(1.804.812.358)	40.412.856	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	931.851.442	-	23.193.917.139	(8.931.851.442)	15.193.917.139	-
Thuế thu nhập cá nhân	55.877.439	-	78.167.873	(59.210.119)	74.835.193	-
Phải trả thuế bị truy thu, phạt nộp chậm	555.928.668	-	-	(313.195.016)	242.733.652	-
Thuế, phí khác	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
<b>Chi nhánh Bình Dương</b>	-	<b>176.181.693</b>	-	-	-	<b>176.181.693</b>
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	176.181.693	-	-	-	176.181.693
<b>Công ty con</b>	<b>5.546.259</b>	<b>21.888.999</b>	<b>3.029.880.512</b>	<b>(2.950.843.014)</b>	<b>346.448.950</b>	<b>283.754.192</b>
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	2.654.230.921	(2.937.985.113)	-	283.754.192
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	21.888.999	364.177.841	-	342.288.842	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.546.259	-	8.471.750	(9.857.901)	4.160.108	-
Thuế, phí khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.559.329.573</b>	<b>198.070.692</b>	<b>28.142.064.973</b>	<b>(14.064.911.949)</b>	<b>15.898.347.790</b>	<b>459.935.885</b>



Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp trong kỳ được tính như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
- Phát sinh tại công ty Mẹ (Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông)	23.193.917.139
- Phát sinh tại công ty Con (Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực)	364.177.841
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>23.558.094.980</b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.17. Chi phí phải trả**

**Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Chi phí lãi vay Ngân hàng	5.024.065.025	5.024.065.025	12.025.709.590	12.025.709.590
- Chi phí khác	9.225.000	9.225.000	257.726.379	257.726.379
<b>Cộng</b>	<b>5.033.290.025</b>	<b>5.033.290.025</b>	<b>12.283.435.969</b>	<b>12.283.435.969</b>

**5.18. Phải trả khác**

**Phải trả khác ngắn hạn**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Kinh phí công đoàn	85.084.757	85.084.757	54.924.241	54.924.241
- Bảo hiểm xã hội	51.269.082	51.269.082	51.578.444	51.578.444
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	709.110.000	709.110.000	919.110.000	919.110.000
- Phải trả khác	477.686.798	477.686.798	17.968.536.614	17.968.536.614
<b>Cộng</b>	<b>1.323.150.637</b>	<b>1.323.150.637</b>	<b>18.994.149.299</b>	<b>18.994.149.299</b>

**5.19. Vay và nợ thuê tài chính**

**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>41.432.374.077</b>	<b>41.432.374.077</b>	<b>59.546.568.675</b>	<b>59.546.568.675</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II	-	-	28.529.794.712	28.529.794.712
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn (*)	41.432.374.077	41.432.374.077	25.984.773.963	25.984.773.963
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12	-	-	5.032.000.000	5.032.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả 12 tháng tới	-	-	5.032.000.000	5.032.000.000
<b>Cộng</b>	<b>41.432.374.077</b>	<b>41.432.374.077</b>	<b>59.546.568.675</b>	<b>59.546.568.675</b>

(\*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/2317695/HĐTD ngày 29/05/2017 với hạn mức vay 200.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản tối thiểu 50% tổng dư nợ, bảo lãnh và phát hành L/C tại mọi thời điểm.

**Tình hình biến động các khoản vay ngắn hạn như sau**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Số đầu kỳ	59.546.568.675
Tiền vay phát sinh trong kỳ	41.542.374.077
Tiền vay đã trả trong kỳ	(59.656.568.675)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>41.432.374.077</b>

**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Chè Cà phê Di Linh(*)	4.050.000.000	4.050.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Chè minh Rồng (**)	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Văn hoá giáo dục Viễn Đông (***)	6.900.000.000	6.900.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN12	-	-	32.100.000.000	32.100.000.000
Số dư nợ gốc	-	-	37.132.000.000	37.132.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả 12 tháng tới	-	-	(5.032.000.000)	(5.032.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>22.950.000.000</b>	<b>22.950.000.000</b>	<b>32.100.000.000</b>	<b>32.100.000.000</b>



Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

(\*) Khoản vay tín chấp Công ty Cổ phần Chè Cà phê Di Linh theo hợp đồng vay số 001/01/DL-GTL ngày 03/01/2017 mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 7%/năm.

(\*) Khoản vay tín chấp Công ty Cổ phần Chè minh Rờng theo hợp đồng vay số 002/01/MR-GTL ngày 03/01/2017 mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 7%/năm.

(\*) Khoản vay tín chấp Công ty Cổ phần Văn hoá giáo dục Viễn Đông theo hợp đồng vay số 003/01/GDVD-GTL ngày 05/01/2017 mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 7%/năm.

**Tình hình biến động các khoản vay ngắn hạn như sau**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Số đầu kỳ	32.100.000.000
Nhận tiền vay trong năm	12.450.000.000
Tăng từ khoản phải trả khác chuyển sang	13.000.000.000
Trả tiền vay trong năm	(34.600.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>22.950.000.000</b>

**5.20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Số đầu kỳ	1.437.799.859
Tăng do trích lập lợi nhuận	221.000.000
Giảm trong kỳ	(30.198.999)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.628.600.860</b>

**5.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Số đầu kỳ	2.839.898.699
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(1.103.482.871)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.736.415.828</b>

**5.22. Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị: 1.000 VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Tổng (VND)
Số dư đầu kỳ	255.227.670	3.254.265	2.967.607	15.324.659	105.845	40.887.785	45.421.899	363.189.730
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	90.908.354	2.301.578	93.209.932
Trích quỹ phúc lợi trong kỳ	-	-	-	-	-	(221.000)	-	(221.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>255.227.670</b>	<b>3.254.265</b>	<b>2.967.607</b>	<b>15.324.659</b>	<b>105.845</b>	<b>131.575.140</b>	<b>47.723.477</b>	<b>456.178.662</b>

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**Cổ phiếu**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.522.767	25.522.767
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.522.767	25.522.767
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.522.767	25.522.767
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.522.767	25.522.767
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.522.767	25.522.767

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**5.23. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**  
**Ngoại tệ các loại**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
- USD	7.383,98	7.400,48
- EUR	22,35	22,35

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016</b>
	<b>đến 30/06/2017</b>	<b>đến 30/06/2016</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>225.658.704.274</b>	<b>26.179.043.212</b>
Doanh thu bán hàng hóa	170.900.261.489	17.291.061.820
Doanh thu bán thành phẩm	47.100.407.204	2.248.198.250
Doanh thu bán vật tư	996.267.360	3.883.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.661.768.221	6.635.900.142
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>77.270.373</b>
Giảm giá hàng bán	-	77.270.373
<b>Doanh thu thuần, trong đó:</b>	<b>225.658.704.274</b>	<b>26.101.772.839</b>
Trong đó:		
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	170.900.261.489	17.288.245.992
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	47.100.407.204	2.248.198.250
Doanh thu bán vật tư	996.267.360	3.883.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.661.768.221	6.561.445.597
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>		
	<b>Từ 01/01/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016</b>
	<b>đến 30/06/2017</b>	<b>đến 30/06/2016</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	66.497.199.376	13.533.299.759
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô	2.620.532.151	315.818.387
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	24.769.091	-
<b>Cộng</b>	<b>69.142.500.618</b>	<b>13.849.118.146</b>



Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****6.2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Giá vốn hàng hóa	162.842.531.917	15.242.701.079
Giá vốn thành phẩm	45.763.670.567	2.381.855.661
Giá vốn vật tư	2.661.094.193	3.678.600
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.306.374.362	4.231.026.391
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.172.521.256	-
<b>Cộng</b>	<b>219.746.192.295</b>	<b>21.859.261.731</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.457.051.119	2.551.712
Lãi cho vay	1.001.095.890	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	330.856.400	573.371.520
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	150.931.460.578	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	74.902.402	13.133.047
<b>Cộng</b>	<b>153.795.366.389</b>	<b>589.056.279</b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Chi phí lãi vay	2.374.140.992	4.749.633.768
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) đầu tư tài chính	27.887.586.131	9.864.054.306
Lỗ chênh lệch tỷ giá	103.402.365	1.677.687
<b>Cộng</b>	<b>30.365.129.488</b>	<b>14.615.365.761</b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	306.431.655	644.904.263
Chi phí dịch vụ mua ngoài	834.465.729	112.218.503
Chi phí bằng tiền khác	105.600	2.138.081
<b>Cộng</b>	<b>1.141.002.984</b>	<b>759.260.847</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

MÃ SỐ B09a-HN/DN

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	2.833.247.465	1.337.287.986
Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý	-	659.090
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.223.318.534	278.299.420
Thuế, phí và lệ phí	142.142.643	14.891.824
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	7.384.537.007	(9.952.436.020)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.352.077.308	691.333.310
Chi phí bằng tiền khác	956.214.097	660.339.380
Phân bổ lợi thế thương mại	445.037.337	-
<b>Cộng</b>	<b>14.336.574.391</b>	<b>(6.969.625.010)</b>

**6.7. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	250.000.000	-
Hoàn nhập khoản lãi vay	2.743.643.996	-
Thu nhập từ tiền thuế đất	-	6.868.343.400
Thu nhập khác	23.791.313	16.417.271
<b>Cộng</b>	<b>3.017.435.309</b>	<b>6.884.760.671</b>

**6.8. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Chi phí phạt chậm nộp thuế	-	80.853.668
Chi phí khác	158.205	3.000
<b>Cộng</b>	<b>158.205</b>	<b>80.856.668</b>

**6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.047.456.403	-
Chi phí nhân viên	3.612.814.737	2.632.611.219
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	1.023.515.683
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.223.318.534	583.464.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.124.671.780	5.344.138.134
Chi phí bằng tiền khác	1.098.462.340	706.319.672
<b>Cộng</b>	<b>53.106.723.794</b>	<b>10.290.049.487</b>



Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	90.908.354.490	1.978.523.114
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(221.000.000)	(870.000.000)
	(221.000.000)	(870.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	90.687.354.490	1.108.523.114
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.522.767	25.522.767
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.553</b>	<b>43</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**7.1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí lãi vay chưa trả	2.205.444.068
Lãi cho vay chưa thu	1.001.095.890
Tiền vay dài hạn tăng từ khoản phải trả ngắn hạn khác chuyển sang	13.000.000.000

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**8.2. Thông tin so sánh**

Công ty bắt đầu phát sinh Công ty con (Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực) từ ngày 27/12/2017. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm đầu tiên Công ty hợp nhất Báo cáo tài chính do phát sinh công ty con. Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2016 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**8.3. Giao dịch với các bên liên quan**

***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc phát sinh trong năm:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Tiền lương	647.775.720	535.306.560
Thù lao	216.000.000	216.000.000
<b>Cộng</b>	<b>863.775.720</b>	<b>751.306.560</b>

**Các bên liên quan khác với Công ty gồm:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Viễn Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ và công nợ với các bên liên quan được thuyết minh tại các khoản mục có liên quan trong phần "5. Thông tin bổ sung cho các mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ" và trong phần "6. Thông tin bổ sung cho các mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ".



Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**8.4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

**So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<b>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.890.080.825	15.890.080.825	4.970.773.406	4.970.773.406
Phải thu khách hàng	190.198.568.019	159.198.395.503	137.265.207.002	114.402.071.493
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	108.700.000.000	108.700.000.000	12.500.000.000	12.500.000.000
Phải thu về cho vay	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-
Các khoản phải thu khác	2.783.309.301	2.653.309.301	14.365.860.599	14.235.860.599
<b>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</b>				
Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	189.920.650.571	(*)	295.656.716.521	(*)
<b>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</b>				
Phải trả cho người bán	(70.134.642.808)	(70.134.642.808)	(9.148.996.412)	(9.148.996.412)
Phải trả các khoản vay ngắn, dài hạn	(64.382.374.077)	(64.382.374.077)	(91.646.568.675)	(91.646.568.675)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(15.898.347.790)	(15.898.347.790)	(1.559.329.573)	(1.559.329.573)
Phải trả người lao động	(1.129.510.276)	(1.129.510.276)	(715.389.851)	(715.389.851)
Chi phí phải trả	(5.033.290.025)	(5.033.290.025)	(12.283.435.969)	(12.283.435.969)
Các khoản phải trả khác	(2.951.751.497)	(2.951.751.497)	(20.431.949.158)	(20.431.949.158)
<b>Cộng</b>	<b>407.962.692.243</b>	<b>(*)</b>	<b>328.972.887.890</b>	<b>(*)</b>

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

**8.5. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Đơn vị tính: VND

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá (VND)	Đã quá hạn và bị giảm giá (VND)	Cộng (VND)
<b>30/06/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.890.080.825	-	15.890.080.825
Phải thu khách hàng	122.199.998.318	67.998.569.701	190.198.568.019
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	108.700.000.000	-	108.700.000.000
Phải thu về cho vay	60.000.000.000	-	60.000.000.000
Các khoản phải thu khác	2.783.309.301	130.000.000	2.913.309.301
<b>Cộng</b>	<b>309.573.388.444</b>	<b>68.128.569.701</b>	<b>377.701.958.145</b>

**8.6. Rủi ro thanh toán**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống (VND)	Trên 01 năm đến 05 năm (VND)	Cộng (VND)
<b>30/06/2017</b>			
Phải trả cho người bán	70.134.642.808	-	70.134.642.808
Phải trả các khoản vay ngắn, dài hạn	41.432.374.077	22.950.000.000	64.382.374.077
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.898.347.790	-	15.898.347.790
Phải trả người lao động	1.129.510.276	-	1.129.510.276
Chi phí phải trả	5.033.290.025	-	5.033.290.025
Các khoản phải trả khác	2.951.751.497	-	2.951.751.497
<b>Cộng</b>	<b>136.579.916.473</b>	<b>22.950.000.000</b>	<b>159.529.916.473</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****8.7. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

***Rủi ro ngoại tệ***

Công ty có phát sinh giao dịch mua dịch vụ bằng USD, EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá hối đoái vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Địa chỉ: 129 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**8.8. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng nội bộ của Công ty.

Kết quả kinh doanh bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý. Các khoản không phân bổ được bao gồm các tài khoản tạo thu nhập và doanh thu, các khoản vay chịu lãi, và chi phí chung của Công ty.


Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong kỳ của Công ty như sau:

	Hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm, vật tư (VND)	Hoạt động cung cấp dịch vụ (VND)	Cộng (VND)
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo bộ phận	218.996.936.053	6.661.768.221	225.658.704.274
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(215.439.817.933)	(4.306.374.362)	(219.746.192.295)
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo bộ phận</b>	<b>3.557.118.120</b>	<b>2.355.393.859</b>	<b>5.912.511.979</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(15.477.577.375)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>(9.565.065.396)</b>
<b>Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>			<b>4.657.488.435</b>
Doanh thu tài chính			153.795.366.389
Chi phí tài chính			(30.365.129.488)
Thu nhập khác			3.017.435.309
Chi phí khác			(158.205)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(23.558.094.980)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			1.103.482.871
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>99.085.324.935</b>

**8.9. Thông tin hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2017

  
 Bùi Văn Thủy  
 Người lập biểu

  
 Bùi Văn Thủy  
 Kế toán trưởng

  
  
 Bùi Quang Minh  
 Tổng giám đốc